

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 900/2022/HC-PT

Ngày 17/11/2022

V/v: “*Khiếu kiện Quyết định hành chính
trong lĩnh vực đất đai về thu hồi đất, bồi
thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Phạm Văn Công

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 429/2022/TLPT-HC ngày 29 tháng 7 năm 2022 về việc “*Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 11/2021/HC-ST ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1923/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 9 năm 2022, giữa:

1. *Người khởi kiện:* Chị Trần Nguyên C, sinh năm 1980

Địa chỉ: số 116/7, đường L, phường 4, quận T, TP. Hồ Chí Minh. Chỗ ở: Nhà B9, đường D4, tổ 20, khu phố 2, phường P, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh. Nơi ở mới: Số 9 Đường D4, Khu tái định cư N, tổ 20, khu phố 2, phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Đức V, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số 227, đường L, Phường 5, quận G, thành phố Hồ Chí Minh – Văn bản ủy quyền ngày 13/10/2022 (có mặt)

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Địa chỉ: số 79, đường 30/4, phường 1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn

Quốc Duy, Phó Chủ tịch UBND thành phố V (có văn bản xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Phạm Văn Phước, Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố V; Ông Lê Hồng Thắng, Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố V (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Địa chỉ: số 88, đường Hoàng Thái Hiếu, phường 1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lữ Quang Ngời, Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long (có văn bản xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Ông Trần Minh Khởi, Phó Giám đốc Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long (có văn bản xin vắng mặt).

3.2. Bà Tăng Thị Hải Yến, sinh năm 1952.

Địa chỉ: số 116/7, đường L, Phường 4, quận T, TP. Hồ Chí Minh. Chỗ ở: Số 207/18A, khóm 4, phường 9, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

Người kháng cáo: Chị Trần Nguyên C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 02 năm 2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 01 tháng 10 năm 2018, ngày 29/10/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là chị Trần Nguyên C và người đại diện hợp pháp trình bày:

Bà Tăng Thị Hải Yến và ông Trần Đại Dương (sinh năm 1943, chết ngày 29/12/2014) là vợ chồng, có các con chung là Trần Hải Phong, Trần Hải Phú, Trần Nguyên C.

Chị Trần Nguyên C được cha là ông Trần Đại Dương tặng cho phần đất thửa 239, diện tích 192, 2m² (50m² đất ở và 142,2m² vườn) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP017455 ngày 13/5/2009. Nguồn gốc phần đất do ông Trần Đại Dương đăng ký trong tổng diện tích 1.300m² được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó đã tách thửa cho các con vào năm 2009.

Ngày 03 tháng 11 năm 2017, chị C nhận được Thông báo số 408/TB-UBND ngày 30/10/2017 của UBND thành phố V về việc di dời nhà, tài sản, vật kiến trúc, cây trồng để giao đất theo Quyết định thu hồi đất. Đây là lần đầu tiên, chị C nhận được văn bản chính thức của chính quyền liên quan việc thu hồi đất nên đã liên hệ các cơ quan để xin giấy tờ có liên quan nhưng không được cấp. Ngày 10/11/2017, chị C khiếu nại việc thu hồi đất. Ngày 09/01/2018, chị C nhận được Quyết định số 5828/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại và bản photo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư gồm: Tờ trình 215/TTr.STNMT ngày 28/01/2010 của Sở Tài nguyên và Môi trường đi kèm Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 29/01/2010 của UBND tỉnh Vĩnh Long, Tờ trình số 05/TTr.PTNMT ngày 19/7/2016 của Phòng Tài nguyên và Môi trường đi kèm Quyết định 3255/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của UBND

thành phố V.

Ngày 10/01/2018, chị C nhận được Quyết định số 1700/QĐ-UBND ngày 05/7/2010 của UBND thành phố V về việc thu hồi 192,2m² của chị Trần Nguyên C. Do vậy, ngày 23/02/2018, chị C có đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1700/QĐ-UBND ngày 05/7/2010 của UBND thành phố V (sau đây gọi tắt là QĐ 1700/QĐ-UBND). Lý do: không thực hiện các biện pháp tổng đạt quyết định thu hồi đất đến gia đình trong khoảng thời gian phù hợp làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của chị. Đơn khởi kiện bổ sung ngày 01/10/2018, đề nghị xác định đơn giá đất bồi thường đất thổ cư là 6.000.000đ/m² theo giá đóng thuế năm 2014 và mức hỗ trợ 50%. Tại đơn thay đổi, bổ sung nội dung khởi kiện ngày 29/11/2019, chị C rút yêu cầu về bồi thường, kiện bổ sung Quyết định số 3255/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của UBND thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bổ sung.

Tại các văn bản số 1118/UBND ngày 11/6/2018, về việc phúc đáp thông báo thụ lý vụ án; số 469/UBND-NC ngày 06/3/2020; số 1641/UBND-NC ngày 10/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện là UBND thành phố V do người đại diện hợp pháp trình bày:

Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện và khởi kiện bổ sung của người khởi kiện. Bởi vì: Đầu tư xây dựng hạ tầng khu hành chính tỉnh Vĩnh Long và khu dân cư phường 9 là dự án trọng điểm của tỉnh. Có 98 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng về đất và 134 hộ bị ảnh hưởng về tài sản là nhà, vật kiến trúc. Đã có 128 hộ gia đình, cá nhân nhận tiền bồi thường, di dời mặt bằng để xây dựng công trình (chiếm 95,5%), chỉ còn 06 hộ dân chưa nhận tiền, trong đó có 04 hộ ông Dương, bà Yến và 03 người con (trong đó có chị C). Dự án đã được thực hiện từ năm 2009 trên cơ sở các văn bản của UBND tỉnh Vĩnh Long: Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 06/7/2006 về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500; Quyết định 214/QĐ-UBND ngày 19/01/2009 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; Quyết định 2027/QĐ-UBND ngày 27/8/2009 về việc phê duyệt dự án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Công văn số 2517/UBND-KTN ngày 21/9/2009 chấp thuận chủ trương thực hiện công tác giải phóng mặt bằng đối với trường hợp cổ tình không cho đơn vị triển khai đo đạc, lập biên bản từng trường hợp cho áp giá bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo số liệu diện tích được xác định trên nền bản đồ địa chính chính quy, nếu có khiếu nại sẽ giải quyết sau; Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 29/01/2010 về việc phê duyệt dự án bồi thường.

Ngày 28/8/2009, Hội đồng bồi thường được thành lập theo Quyết định số 1451/QĐ-UBND ngày 14/8/2009) đã tổ chức họp dân triển khai dự án từ ngày 03/9/2009, hộ ông Trần Đại Dương và các con là 04 trong số 28 hộ không cho đo đạc, kiểm đếm. Ngày 28/01/2010, họp 28 hộ dân này thì ông Dương có dự và phát biểu ý kiến.

Ngày 05/7/2010, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 1700/QĐ-UBND thu hồi 192, 2m² của chị C, trước đó thuộc hộ ông Trần Đại Dương. Hộ ông Dương bị thu hồi đất 02 lần. Lần 1, thu hồi một phần làm đường Võ Văn

Kiệt; phần còn lại, ông Dương đã tách cho 03 người con. Lần 2, thu hồi xây dựng khu hành chính, quá trình làm việc, ông Dương dự, sau đó bà Yến, đồng thời cũng đại diện cho 03 con. Ngày 11/8/2010, công bố quyết định thu hồi đất đối với 98 hộ, có 75 hộ đến nhận quyết định, còn 23 hộ không đến, trong đó có 04 hộ của ông Dương và 03 con không đến nhận quyết định, không khiếu nại. Sau đó có 17 hộ tự đến nhận quyết định.

Năm 2011, thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24/02/2011 về những giải pháp chủ yếu kiềm chế lạm phát, tạm dừng thực hiện dự án chờ chủ trương của UBND tỉnh và vốn. Năm 2012-2017, thực hiện công tác vận động.

Về giá bồi thường, áp dụng khoản 3 Điều 34 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, đã có quyết định thu hồi đất và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt trước ngày 01/7/2014 nên không thể áp giá đất, nhà, vật kiến trúc khác và giá cây trồng năm 2016. Ngoài ra, trong các văn bản, người bị kiện cũng đã nêu và chứng minh về tính có căn cứ và hợp pháp của quyết định bị khởi kiện.

Tại văn bản số 1032/UBND-NC ngày 10/3/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long trình bày: không đồng ý với yêu cầu khởi kiện. Đồng thời nêu và khẳng định tuy có việc điều chỉnh quy hoạch 05 lần nhưng phần đất có liên quan yêu cầu khởi kiện của bà Yến và các con (trong đó có chị C) đều thuộc diện tích đất thu hồi, việc điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, căn cứ ban hành các quyết định, về phê duyệt phương án bồi thường, giải quyết khiếu nại, qua đó xác định việc khiếu kiện của chị C là không có cơ sở để chấp nhận.

Kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại: Các đương sự đã giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, không khiếu nại về chứng cứ nhưng không thống nhất về nội dung giải quyết vụ án. Chị Trần Nguyên C khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy Quyết định số 3255/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của UBND thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bổ sung.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 11/2021/HC-ST ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 3, 5, 30, 32, 115, 116, 173, 193, 348 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 44 Luật đất đai năm 2003; các Điều 34, 69, 113, 114 Luật Đất Đai năm 2013; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 13/8/2007; Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thi hành luật đất đai.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện bổ sung của chị Trần Nguyên C về việc yêu cầu hủy Quyết định số 3255/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố V, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bổ sung công trình: Khu hành chính tỉnh và Khu dân cư Phường 9-TPVL.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của chị Trần Nguyên C về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1700/QĐ-UBND ngày 05/7/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, về việc thu hồi 192,2 (50,0 ở đô thị + 142,2 lâu năm quả) m² đất tọa lạc tại phường 9, thành phố V.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/01/2022 chị Trần Nguyên C kháng cáo bản án cho rằng: Quyết định số 1700/QĐ-UBND ngày 05/7/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, về việc thu hồi 192,2m² (50,0m² ở đô thị + 142,2m² lâu năm quả) đất tọa lạc tại phường 9, thành phố V không đúng thẩm quyền. Chị có yêu cầu cấp đất tái định cư và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long cũng đề nghị cơ quan thu hồi đất phải có quyết định cấp đất tái định cư nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét nội dung này. Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa làm rõ Quyết định số 1700/QĐ-UBND ngày 05/7/2010 thu hồi đất của chị Trần Nguyên C có nằm trong bản vẽ quy hoạch chi tiết 1/500, kèm theo Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 06/7/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long hay không. Tài sản trên đất bị thu hồi là của vợ chồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa chồng chị Trần Nguyên C vào tham gia tố tụng là vi phạm. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ kiện cho đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Đức V là người đại diện theo ủy quyền của chị Trần Nguyên C thay đổi nội dung kháng cáo, yêu cầu hủy Quyết định số 1700/QĐ-UBND ngày 05/7/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long về việc thu hồi đất và trình bày: Quyết định số 1700/QĐ-UBND ngày 05/7/2010 của Chủ tịch UBND thành phố V về thu hồi đất của chị C do Phó Chủ tịch UBND ký là không đúng thẩm quyền. Bản đồ quy hoạch chi tiết 1/500, ban hành kèm theo Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 06/7/2006, không thể hiện thửa đất của chị C nằm trong quy hoạch nên việc thu hồi đất là không có căn cứ. Do quyết định thu hồi đất trái pháp luật nên đề nghị hủy Quyết định số 1700/QĐ-UBND ngày 05/7/2010 của Chủ tịch UBND thành phố V.

Ông Lê Hồng Thắng bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho UBND và Chủ tịch UBND thành phố V trình bày: Diện tích đất của ông Dương và các con của ông Dương, trong đó có chị Trần Nguyên C đều nằm trong dự án, vì bên ngoài đất của chị C còn thu hồi đất của các hộ khác, đã giải quyết bồi thường, hỗ trợ xong, họ không có khiếu nại. Trong quá trình thực hiện bồi thường, gia đình ông Dương và chị C không cho kiểm đếm tài sản nên việc bồi thường bị kéo dài nhưng vẫn bảo đảm quyền lợi cho người bị thu hồi đất. Nguồn gốc đất là của ông Dương, ông Dương làm thủ tục tách thành 04 thửa đất, cho các con vào năm 2009 khi đã có quy hoạch nhưng do cán bộ tham mưu sai nên vẫn thực hiện được việc tách thửa. Tuy nhiên, việc tách thửa là có lợi cho hộ gia đình ông Dương vì được hỗ trợ 04 nền tái định cư. Như vậy, quyền lợi của người bị thu hồi đất được bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đầy đủ, đúng quy định nên đề nghị bác đơn kháng cáo của chị C, giữ y bản án sơ thẩm.

Ông Nguyễn Đức V tranh luận: Tại phiên tòa, đại diện UBND thành phố V xác nhận trước khi ban hành quyết định thu hồi đất, Chủ tịch UBND và UBND

thành phố V có họp, bàn bạc thống nhất việc thu hồi đất nhưng Phó Chủ tịch ký quyết định thu hồi đất là trái quy định. Ủy ban cho rằng khi làm việc, ông Dương nhất trí việc thu hồi đất, tuy nhiên, đây là ý kiến của ông Dương, không thể lấy ý kiến của ông Dương để xác định chị C cũng nhất trí việc thu hồi đất.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật; các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về kháng cáo của chị C là không có cơ sở. Bởi vì, dù quyết định thu hồi đất do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân ký không đúng quy định về thẩm quyền nhưng không làm thay đổi nội dung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư mà Ủy ban nhân dân thành phố V đã giải quyết cho chị C. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét giải quyết đầy đủ, đúng pháp luật, bảo đảm quyền lợi cho chị C, nên không có căn cứ hủy quyết định thu hồi đất trên. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ y bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa thì thấy:

Đơn kháng cáo của chị Trần Nguyên C đúng theo quy định của pháp luật, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Theo đơn khởi kiện của chị Trần Nguyên C, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là quan hệ hành chính về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai, về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất” là đúng quan hệ tranh chấp.

[1.2]. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng bị khởi kiện là Quyết định số 1700/QĐ-UBND ngày 05/7/2010 của Chủ tịch UBND thành phố V về thu hồi đất của chị Trần Nguyên C; Quyết định số 3255/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của UBND thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bổ sung; Quyết định 5828/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND thành phố V về giải quyết khiếu nại lần đầu đối với chị Trần Nguyên C là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 6 và khoản 1 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[1.3]. Theo đơn khởi kiện ngày 23/02/2018, chị Trần Nguyên C yêu cầu hủy Quyết định số 1700/QĐ-UBND ngày 05/7/2010 của Chủ tịch UBND thành phố V về thu hồi đất của chị Trần Nguyên C (BL: 01, 02). Ngày 01/10/2018, chị Trần Nguyên C có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu bồi thường đất ở 6 triệu đồng/m², đất trồng cây lâu năm 3 triệu đồng/m², bồi thường hỗ trợ khác đối với nhà, cây trồng theo quy định...(BL: 06, 07). Ngày 29/11/2019, chị Trần Nguyên C có đơn thay đổi, bổ sung đơn khởi kiện, trong đó rút nội dung yêu cầu bồi thường đất ở 6 triệu đồng/m², đất trồng cây lâu năm 3 triệu đồng/m² và khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy Quyết định số 3255/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của UBND

thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bổ sung công trình: Khu hành chính tỉnh và Khu dân cư Phường 9 – thành phố V (BL: 161). Tại phiên tòa người khởi kiện rút phần yêu cầu khởi kiện đối với Quyết định số 3255/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của UBND thành phố V, việc rút yêu cầu khởi kiện này là tự nguyện, đúng pháp luật nhưng đây là quyết định hành chính có liên quan nên Tòa án phải xem xét theo quy định tại khoản 1 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 và tại câu 51 phần V về Tổ tụng hành chính tại Công văn số 01/2017/GĐ-TANDTC của Tòa án nhân dân tối cao về một số vấn đề nghiệp vụ. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện bổ sung của chị Trần Nguyên C đối với Quyết định số 3255/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của UBND thành phố V là không đúng pháp luật. Tuy nhiên, tại mục [2.1.3] và [2.2.2] của bản án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét giải quyết về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất của chị Trần Nguyên C là không ảnh hưởng đến quyền lợi của người khởi kiện, phù hợp với quy định Luật Tổ tụng hành chính nên không cần thiết xem việc Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện bổ sung của chị Trần Nguyên C đối với Quyết định số 3255/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của UBND thành phố V là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng để hủy bản án sơ thẩm. Song cần phải sửa lại phần này trong quyết định của Bản án sơ thẩm cho đúng quy định của pháp luật.

[1.4]. Đây là vụ án hành chính về việc chị Trần Nguyên C khởi kiện quyết định hành chính nhà nước của Cơ quan, người có thẩm quyền ban hành nên khi xem xét quyết định hành chính bị kiện và quyết định hành chính có liên quan, Tòa án cấp sơ thẩm phải đưa đầy đủ Cơ quan, người có thẩm quyền ban hành quyết định hành chính đó tham gia tố tụng mới phù hợp; tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy việc thiếu người tham gia tố tụng cũng không ảnh hưởng đến quyền lợi của chị Trần Nguyên C và không làm thay đổi bản chất của vụ án. Mặc dù vậy, Tòa án cấp sơ thẩm phải nghiêm túc rút kinh nghiệm để thực hiện cho đúng quy định. Trong vụ án này, các quyết định về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất và giải quyết khiếu nại trực tiếp đối với chị Trần Nguyên C nên chị Trần Nguyên C là người khởi kiện là đúng; chồng của chị Trần Nguyên C không có liên quan đến quyết định hành chính bị khởi kiện, nên không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 53 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015. Do đó, chị Trần Nguyên C cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa chồng chị tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, là không có căn cứ.

[2]. Về thẩm quyền và nội dung quyết định:

[2.1]. Về thẩm quyền ban hành quyết định: Để thực hiện dự án Khu hành chính tỉnh và Khu dân cư Phường 9, thành phố V; ngày 05/7/2010 Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 1700/QĐ-UBND về việc thu hồi 192,2m² (50,0m² ở đô thị + 142,2m² lâu năm quả), đất tọa lạc tại Phường 9, thành phố V của chị Trần Nguyên C. Theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật Đất đai năm 2003 thì Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định thu hồi đất là không đúng thẩm quyền. Tuy nhiên, tại phiên tòa, người đại diện cho UBND và Chủ tịch UBND thành phố V xác nhận trước khi ban hành quyết định thu hồi đất

Chủ tịch UBND đã có cuộc họp bàn bạc với UBND thống nhất ban hành quyết định thu hồi đất và giao cho Phó Chủ tịch phụ trách ký quyết định là phù hợp. Hơn nữa, theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 7 Điều 127 Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Chủ tịch UBND được quyền quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ quyền hạn của UBND cấp mình và ra quyết định để thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình. Do đó, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định thu hồi đất là không vi phạm.

[2.2]. Tại phiên tòa, người đại diện của chị Trần Nguyên C còn cho rằng Quyết định số 1700/QĐ-UBND ngày 05/7/2010 thu hồi diện tích đất của chị Trần Nguyên C không nằm trong Bản vẽ quy hoạch chi tiết 1/500, ban hành kèm theo Quyết định số 1430/2006/QĐ-UBND ngày 06/7/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long; với lý do trong bản vẽ không ghi rõ thửa đất của chị Trần Nguyên C bị thu hồi. Tuy nhiên người đại diện cho chị Trần Nguyên C cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ xác định thửa đất của chị Trần Nguyên C không nằm trong quy hoạch nên không có căn cứ chấp nhận.

[2.3]. Về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bổ sung đối với chị Trần Nguyên C: Ngày 05/7/2010 UBND thành phố V, thu hồi của chị Trần Nguyên C 192,2m² (trong đó 50,0m² ở đô thị + 142,2m² lâu năm), tọa lạc tại Phường 9, thành phố V. Căn cứ Quyết định số 26/2008/QĐ-UBND ngày 21/12/2008 của UBND tỉnh Vĩnh Long và phương án đã phê duyệt tại Quyết định số 270/2010/QĐ-UBND ngày 29/01/2010 của UBND tỉnh Vĩnh Long; kèm theo Tờ trình số 05/TTr-PTNMT ngày 19/7/2016 của Phòng Tài nguyên và Môi trường, đã bồi thường cho chị Trần Nguyên C đất ở 1.000.000đ/m², đất vườn 158.000đ/m², ngoài ra hỗ trợ 50% đất nông nghiệp của 142,2m² thành tiền 143.567.600 đồng; hỗ trợ di chuyển nhà và tài sản, do chị C không trực tiếp sử dụng đất, hiện đang sinh sống, làm ăn tại Thành phố Hồ Chí Minh nên không hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp...là phù hợp. Về tái định cư, tại phiên tòa đại diện của người bị kiện cung cấp Công văn số 4749/UBND-NC ngày 16/11/2022, thể hiện UBND thành phố V đã thực hiện bố trí 01 nền tái định cư có diện tích 94,5m² tại khu tái định cư của công trình xây dựng: Khu hành chính tỉnh và dân cư Phường 9, thành phố V cho chị Trần Nguyên C, là đảm bảo quyền lợi cho chị Trần Nguyên C. Do đó, Quyết định số 3255/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của UBND thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bổ sung cho chị Trần Nguyên C là đúng pháp luật.

[3]. Đối chiếu Quyết định 5828/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND thành phố V về giải quyết khiếu nại lần đầu đối với chị Trần Nguyên C được Tòa án cấp sơ thẩm xác định được ban hành đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền và đúng quy định của pháp luật là có căn cứ.

[4]. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận lời trình bày của người đại diện cho chị Trần Nguyên C; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Chị Trần Nguyên C là người kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không chấp nhận đơn kháng cáo của chị Trần Nguyên C; giữ y bản án sơ

thẩm. Chị Trần Nguyên C phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

I. Không chấp nhận đơn kháng cáo của chị Trần Nguyên C; sửa cách tuyên Bản án hành chính sơ thẩm số: 11/2022/HC-ST ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long như sau:

Căn cứ Điều 32, Điều 116, khoản 1 Điều 6 và khoản 1 Điều 193, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 69, Điều 114 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 32, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của chị Trần Nguyên C về việc yêu cầu hủy:

- Quyết định số 1700/QĐ-UBND ngày 05/7/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long về việc thu hồi 192,2 (50,0 ở đô thị + 142,2 lâu năm quả) m² đất tọa lạc tại phường 9, thành phố V;

- Quyết định số 3255/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bổ sung công trình: Khu hành chính tỉnh và Khu dân cư Phường 9, thành phố V;

- Quyết định 5828/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND thành phố V về giải quyết khiếu nại lần đầu đối với chị Trần Nguyên C.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Chị Trần Nguyên C phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0000917 ngày 12/4/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

II. Về án phí hành chính phúc thẩm: Chị Trần Nguyên C phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000077 ngày 21/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Chị Trần Nguyên C đã nộp xong án phí.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu VP(6), HS(1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý

